

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08/7/2021

*Về việc “Tranh chấp Ly hôn,
Nuôi con chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thanh
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Đình Hưng, ông Phạm Văn Miên
- *Thư ký phiên tòa:* Ông P Lê Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh

G

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Đình Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/7/2021 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân- Gia đình thụ lý số: 75/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2021 về việc “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/6/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Đình T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G (có mặt)

Bị đơn: Chị Trần Thị TH, sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các T liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự. Nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Đình T và chị Trần Thị TH qua quen biết tìm hiểu khoảng 3 tháng, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H’Leo, tỉnh Đắk Lắk và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 9 năm 2017.

-Về nguyên nhân yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn: Anh T trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng từ tháng 6 năm 2020 chị TH bỏ nhà đi mà không nói với anh T biết. Sau đó anh T được biết chị TH bỏ nhà đi sống với một người đàn ông khác. Anh T đã nhiều lần gọi điện thoại khuyên nhủ và đi tìm chị TH về nhà nhưng chị TH không chịu về, do đó anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị TH. Chị TH trình bày về quan hệ hôn nhân của các đương sự như

anh T đã trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có tính hay ghen tuông, nên cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không hạnh phúc, nên anh T làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn chị TH chấp nhận.

-Về con chung và trách nhiệm nuôi dưỡng: Các đương sự công nhận có 01 con chung là Phan Đình P, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2017. Anh T có nguyện vọng được nuôi cháu P, không yêu cầu chị TH cấp dưỡng nuôi con. Chị TH cũng có nguyện vọng được nuôi cháu P và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng.

-Về T sản chung và nghĩa vụ chung về T sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ các đương sự giao nộp có trong hồ sơ gồm:

-02Giấy chứng minh nhân dân (phô tô)

-01Trích lục kết hôn (bản sao)

-01Giấy khai sinh (bản sao)

-01Sổ hộ khẩu (phô tô)

-01Giấy phép lái xe hạng C (phô tô)

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh Phan Đình T trình bày giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn với chị TH, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phan Đình P, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2017, không yêu cầu chị TH cấp dưỡng nuôi con. Để chứng minh cho nguyện vọng được nuôi con, anh T trình bày nghề nghiệp là lái xe chở hàng của gia đình anh ruột, có thu nhập ổn định từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ/tháng và cùng gia đình anh ruột sản xuất nước đá nhập bán tại địa phương, nơi cư trú và hộ khẩu ở ngay nơi làm việc tại tổ dân phố 1, thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G, có sức khỏe để chăm sóc nuôi dưỡng con, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Bị đơn chị Trần Thị TH trình bày đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T. Yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng. Để chứng minh cho nguyện vọng được nuôi con, chị TH trình bày nghề nghiệp là lao động tự do, đi làm thuê phụ quán ăn, bán cà phê có thu nhập từ 6.000.000đ đến 7.500.000đ/tháng và bảo đảm có sức khỏe để chăm sóc nuôi dưỡng con, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

***Ý kiến Phát biểu của Kiểm sát viên:**

-Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự trong quá trình giải quyết vụ án bảo đảm theo quy định của pháp luật.

-Về nội dung giải quyết vụ án:

+Về yêu cầu ly hôn: Trong quá trình tham gia tố tụng, các đương sự thừa nhận hai người có trải qua thời gian tìm hiểu, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân, từ đó nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, bị đơn cũng chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

+Về con chung: Các đương sự công nhận có 01 con chung là: Phan Đình P, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2017.

Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu chị TH cấp dưỡng nuôi con. Còn chị TH cũng yêu cầu được nuôi dưỡng con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng.

Nhận thấy các bên yêu cầu được nuôi con là chính đáng và đều trình bày ý kiến để chứng minh cho mình có điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên qua ý kiến của các đương sự và thực tế công việc nghề nghiệp thì thấy rằng nghề nghiệp của anh T là lái xe của gia đình anh ruột từ khi các bên kết hôn với nhau đến nay, nên ổn định về công việc nghề nghiệp và thu nhập hơn chị TH.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Phan Đình P, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2017 cho anh T trực tiếp nuôi con, không buộc chị TH cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

+Về T sản chung, nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên không đề nghị xem xét.

+Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn anh Phan Đình T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn để sung vào ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Phan Đình T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với bị đơn là chị Trần Thị TH, nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”. Do đó Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào T liệu chứng cứ và ý kiến trình bày của các đương sự có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, thể hiện anh T và chị TH có trải qua thời gian quen biết tìm hiểu, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H’Leo, tỉnh Đắk Lắk và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó quan hệ hôn nhân của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu ly hôn của nguyên đơn xuất phát từ việc bị đơn bỏ nhà đi, tình cảm vợ chồng không còn, không còn chung sống với nhau và đã ly thân mỗi người một nơi cho đến nay.

Nhận thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích, thuyết phục, hòa giải để các đương sự thỏa thuận trở về đoàn tụ, nhưng không thành. Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên yêu ly hôn, chị TH giữ nguyên ý kiến đồng ý ly hôn. Như vậy, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cần công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung: Các đương sự công nhận có 01 con chung là: Phan Đình P, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2017.

Anh T trình bày nghề nghiệp là lái xe chở hàng của gia đình anh ruột, có thu nhập ổn định từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ/tháng từ khi kết hôn với chị TH đến nay, cùng gia đình anh ruột sản xuất nước đá nhập bán tại địa phương, nơi làm việc ngay tại nơi cư trú và hộ khẩu thuộc tổ dân phố 1, thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G và có điều kiện và sức khỏe để chăm sóc nuôi dưỡng con, do đó anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị TH cấp dưỡng nuôi con.

Chị TH trình bày nghề nghiệp là lao động tự do, đi làm thuê phụ quán ăn, bán cà phê có thu nhập từ 6.000.000đ đến 7.500.000đ/tháng, có sức khỏe, nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng.

Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của các đương sự là chính đáng. Tuy nhiên xét về thực tế công việc nghề nghiệp và thu nhập của các đương sự, nhận thấy anh T là lái xe của gia đình anh ruột, có hộ khẩu và cư trú ngay nơi làm việc, nên ổn định về công việc nghề nghiệp và thu nhập hơn chị TH.

Do đó cần giao cho anh T được trực tiếp nuôi con là phù hợp với ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên và quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh T không yêu cầu, nên không buộc chị TH cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

[5] Về T sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều không yêu cầu, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Cần buộc nguyên đơn anh Phan Đình T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật để sung vào ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 235, 246, 264, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Đình T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phan Đình T và chị Trần Thị TH.

3. Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung: Giao cho anh Phan Đình T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Đình P, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2017 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

+ Chị TH được quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

+ Chị TH, anh T đều có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Buộc anh Phan Đình T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm về ly hôn để sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm

ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001291 ngày 31/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- THADS ;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thanh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đình Hưng

Phạm Văn Miên

Nguyễn Văn Thanh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- THADS ;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thanh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH G

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh
- Các Hội thẩm nhân dân : Ông Lê Đình Hưng , ông Phạm Văn Miên

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Vào hồi 15 giờ 45 phút ngày 08/7/2021 tại phòng Nghị án Tòa án nhân dân huyện Đ. HĐXX sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án thụ lý số: 75/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” giữa nguyên đơn anh Phan Đình T và bị đơn chị Trần Thị TH

Căn cứ vào các T liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa: Ý kiến của các đương sự tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử thảo luận và giải quyết những vấn đề của vụ án như sau:

1. Về Điều luật áp dụng:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 144, 147, 235, 246, 264, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình

- Kết quả biểu quyết: 03/03

2. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận có mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, kéo dài, đã sống ly thân. Do đó mục đích hôn nhân không đạt được. và bị đơn chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình cần công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của các đương sự.

- Kết quả biểu quyết : 03/03

3. Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung: Các đương sự công nhận có 01 con chung là: Phan Đình P, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2017. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị TH cấp dưỡng nuôi con. Chị TH cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng.

Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của các đương sự là chính đáng, nhưng qua hòa giải và tại phiên tòa các đương sự không thỏa thuận được với nhau. Do đó xét về thực tế công việc nghề nghiệp và thu nhập của các đương sự, nhận thấy anh T là lái xe của gia đình anh ruột, có hộ khẩu và cư trú ngay nơi làm việc, nên ổn định về công việc nghề nghiệp và thu nhập hơn chị TH.

Nên căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cho anh T được trực tiếp nuôi con là phù hợp với ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên và quy định của pháp luật và không buộc chị TH cấp dưỡng nuôi con vì T không yêu cầu.

- Kết quả biểu quyết : 03/03

4. Về T sản chung, nợ chung: Về T sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều không có yêu cầu, nên không xem xét.

- Kết quả biểu quyết: 03/03

5. Các vấn đề khác :

+Buộc nguyên đơn phải chịu hết toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn là 300.000đồng theo quy định của pháp luật, khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

+Tuyên quyền thăm nom con, thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của các đương sự.

+ Tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

- Kết quả biểu quyết : 03/03

Biên bản kết thúc vào hồi 16 giờ 10 phút cùng ngày. Đã thông qua biên bản và các thành viên HĐXX đã nhất trí cùng ký tên dưới đây.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đình Hưng

Phạm Văn Miên

Nguyễn Văn Thanh